

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ X
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/HNGĐ-ST

Ngày 17/8/2017

*“V/v Không công nhận quan hệ
vợ chồng”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ X, TỈNH ĐẮK NÔNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Ất

2. Bà Đặng Thị Tâm

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lý Thị Mỹ Hằng - Cán bộ Tòa án.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã X, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên
tòa:* Ông Phan Xuân Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã X xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 98/2017/TLST-HNGĐ ngày 24/5/2017 về việc *“Không công nhận quan hệ vợ chồng”* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2017/QĐST-HNGĐ ngày 01/8/2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị T, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Tổ dân phố 2, phường N, thị xã X, tỉnh Đắk Nông.

2. *Bị đơn:* Anh H, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Tổ dân phố 2, phường N, thị xã X, tỉnh Đắk Nông.

(Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/4/2017 và tại phiên tòa nguyên đơn bà T trình bày:

Chị T và anh H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu chị T và anh H sống hạnh phúc nhưng đến những năm gần đây thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã về vấn đề kinh tế và tình cảm trong gia đình. Vì mâu thuẫn quá nhiều mà không thể giải quyết, càng ngày càng trầm trọng khiến tình cảm rạn nứt, hiện tại anh chị không còn yêu thương nhau. Nay chị T xét thấy tình cảm giữa chị T và anh H thực sự không còn, không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa nên chị T yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với anh H.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị T và anh H có 03 con chung là: Đ (sinh ngày 20/02/1996), B (sinh ngày 28/02/1998) và C (sinh ngày 22/10/2005). Hai

cháu Đ và B đã trưởng thành nên chị T không yêu cầu giải quyết. Nay chị T có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là C (sinh ngày 22/10/2005) cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị T và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh H trình bày:

Về quá trình sống chung và mâu thuẫn trong quá trình chung sống lời khai của chị T là hoàn toàn đúng sự thật. Vì vậy, chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng thì anh H đồng ý.

Về con chung: Anh cũng đồng ý với lời khai của chị T về con chung, hai con chung là cháu Đ và cháu B đã trưởng thành nên anh không yêu cầu giải quyết. Nay anh H có nguyện vọng giao con chung là cháu C cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi và anh H không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh H và chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Chị T và anh H đồng ý tự nguyện thỏa thuận giao cháu C cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi và anh H không cấp dưỡng nuôi con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã X tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án căn cứ vào khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T. Chị T và anh H không đăng ký kết hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận chị T và anh H là vợ chồng. Về con chung đề nghị chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị T và anh H, giao con chung là cháu C cho chị T nuôi dưỡng đến khi con chung trưởng thành là đủ 18 tuổi. Về tài sản chung không yêu cầu giải quyết và nợ chung không có nên cũng không đề nghị giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị T có yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề không công nhận chị T và anh H là vợ chồng nên Hội đồng xét xử xét thấy đây là quan hệ pháp luật “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*”. Bị đơn anh H hiện đang thường trú tại tổ dân phố 2, phường N, thị xã X, tỉnh Đắk Nông nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã X là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của chị T Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền mặc dù có đủ điều kiện đi đăng ký kết hôn là đã vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình.

Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”

Mặc khác, trong quá trình chung sống chị T và anh H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, không còn tin tưởng nhau trong cuộc sống, tính tình hai bên không hợp, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, nên chị T làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ giữa chị T và anh H là vợ chồng. Như vậy, yêu cầu của chị T là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị T và anh H đã thỏa thuận được với nhau về con chung nhưng có yêu cầu ghi nhận trong bản án, nên căn cứ vào Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu C nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể: Giao con chung là cháu C (sinh ngày 22/10/2005) cho chị T được trực tiếp chăm sóc, trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung trưởng thành là đủ 18 tuổi.

Trong trường hợp anh H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh H.

Chị T có quyền yêu cầu anh H thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình, yêu cầu anh H cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Chị T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết quy định tại Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung: Chị T và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về nợ chung chị T và anh H không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Chị T phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T đối với anh H:

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh H.

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị T và anh H.

Giao con chung là cháu C (sinh ngày 22/10/2005) cho chị T được trực tiếp chăm sóc, trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung trưởng thành là đủ 18 tuổi.

Trong trường hợp anh H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh H.

Chị T có quyền yêu cầu anh H thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình, yêu cầu anh H cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Chị T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết quy định tại Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình.

2. Về án phí: Chị T phải nộp 300.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001669 ngày 24 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã X, tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND TX X;
- Chi cục THADS thị xã X;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Yến